

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/DS - ST

Ngày: 27/11/2019.

(*V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của
Hợp đồng tài trợ chương trình truyền hình
trực tiếp Giai PN*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đô;

2. Bà Nguyễn Thị Minh Huân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2019/TLST- KDTM ngày 10/7/2019 “*V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Hợp đồng tài trợ chương trình truyền hình trực tiếp Giai PN*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2019/QĐXXST– KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Đai ABT.

Địa chỉ: số 339 – 341, đường A, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đăng B – Chức vụ: Giám đốc Đai ABT.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh C– Chức vụ: Trưởng phòng Dịch vụ - Quảng cáo;

* **Bị đơn:** Công ty CP D

Địa chỉ: 1074/34/2 đường Đ, phường E, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh G - Tổng giám đốc công ty.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/10/2016, Công ty CP D (Bên A) và Đài ABT (Bên B) có ký Hợp đồng số 05 tài trợ chương trình truyền hình trực tiếp “*Giai PN*”. Có nội dung, bên A đồng ý tài trợ kinh phí để bên B tổ chức sản xuất và truyền hình trực tiếp chương trình “*Giai PN*”, đổi lại bên A được hưởng những quyền lợi về quảng cáo theo Điều 3 của Hợp đồng (trước chương trình truyền hình trực tiếp... trong chương trình truyền hình trực tiếp... quyền lợi thông báo, quảng cáo ngoài chương trình...). Tổng số tiền bên A tài trợ là 500.000.000 đồng(đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng), và các điều khoản khác.

Và hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 05/7/2017, có nội dung: ngày 26/10/2016 bên A đã thanh toán đợt 1: 100.000.000 đồng, số tiền bên A chưa thanh toán 400.000.000 đồng, hai bên gia hạn thời gian thanh toán: đợt 2 trước ngày 30/7/2017 số tiền 150.000.000 đồng, đợt 3 trước ngày 30/9/2017 số tiền 150.000.000 đồng, đợt 4 trước ngày 15/12/2017 số tiền 100.000.000 đồng.

Truyền hình trực tiếp “*Giai PN*” đã phát sóng ngày 21/10/2016, các nội dung trước chương trình, trong chương trình theo khoản 3.1 và 3.2 của hợp đồng đã thực hiện xong.

Quyền lợi thông báo, quảng cáo ngoài chương trình: bên A được đăng ký phát sóng quảng cáo dưới các hình thức gồm TVC, tự giới thiệu, thông báo hoạt động thương mại, Pop-ups... trên sóng phát thanh, truyền hình Bình Thuận với tổng giá trị 2.000.000.000 đồng (tương đương 400%/500.000.000 đồng). Bên A có trách nhiệm thông báo lịch cản trở cho bên B.

Bên A đã đăng ký phát sóng và cản trở quyền lợi quảng cáo theo hợp đồng số 05, đã sử dụng là: Tháng 10/2016: 48.500.000 đồng; Tháng 11/2016: 97.000.000 đồng; Tháng 12/2016: 85.500.000đồng; Tháng 7/2017: 28.000.000 đồng.Tổng cộng: 259.000.000 đồng/2.000.000.000 đồng.

Thời hạn đăng ký phát sóng cản trở đến ngày 05/10/2017. Sau đó hai bên gia hạn đến ngày 30/12/2017.

Bên A đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán tiền đợt 2. Và không đăng ký phát sóng quảng cáo quyền lợi ngoài chương trình (như điểm 3.3 Điều 3 của Hợp đồng 05) từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2017. Như vậy, Bên A đã vi phạm hợp đồng. Bên A có gửi văn bản số 26 ngày 04/7/2017 trình bày tình hình kinh tế khó khăn và việc kêu gọi quảng cáo cũng gặp rất nhiều khó khăn do khách hàng hạn chế kinh phí quảng cáo... nên Bên A chưa thanh toán tiền cho Bên B và cam kết duy trì thực hiện hợp đồng và thanh toán tiền cho Bên B và xin gia hạn thời gian phát cản trở quảng cáo kéo dài đến ngày 30/6/2018, tuy nhiên bên B không đồng ý mà đồng ý gia hạn cản trở tạm thời đến ngày 30/12/2017, nhưng sau đó Bên A cũng không đăng ký quyền lợi quảng cáo, nên quyền lợi phát trả quảng cáo còn lại Bên A phải chịu 1.741.000.000 đồng (2.000.000.000 đ – 259.000.000 đồng). Nay Bên B yêu cầu Bên A phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000 đồng.

Bên B đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án có sự xác nhận của bên A, còn Văn bản số 26 ngày 30/7/2017 do bên A cung cấp cho Tòa án là do bên A tự làm không có xác nhận của bên B nên không công nhận văn bản này.

* Đối với bị đơn Công ty CP D. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đặng Thanh G là người đại diện theo pháp luật của công ty đến tòa để giải quyết vụ án nhưng ông không đến. Ngày 12/8/2019, Tòa án ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân Quận F thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết định ủy thác đối với Công ty CP D. Theo bản tự khai ngày 29/8/2019, ông Đặng Thanh G trình bày:

Năm 2016 Công ty có ký hợp đồng tài trợ chương trình văn nghệ “Giai PN” số tiền 500.000.000 đồng, công ty được đổi lại quyền lợi quảng cáo là 02 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Công ty gặp khó khăn về tài chính đã giải thể Công ty DN chi nhánh Bình Thuận. Công ty đã thanh toán 100.000.000 đồng và đã phát quảng cáo số tiền là 259.000.000 đồng so với số tiền 02 tỷ đồng. Sau đó, Công ty có gửi công văn cho ông Nguyễn Văn H giám đốc Đài ABT yêu cầu thanh lý hợp đồng, đồng thời công ty có đến Đài ABT hợp với ông Ngô Đăng B và ông C trưởng phòng quảng cáo để thống nhất thanh lý hợp đồng. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 400.000.000 đồng thì công ty không đồng ý vì những lý do nêu trên. Tòa án nhân dân thành phố PT có triệu tập ông đại diện cho công ty có mặt vào lúc 08 giờ ngày 12/9/2019 để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bận công việc ông không tham gia được. Đồng thời ông G có gửi đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên làm việc hòa giải, xét xử tại tòa án các cấp. Ông xin bảo lưu ý kiến trong bản tự khai ngày 29/8/2019 nói trên. Ông G có nộp kèm theo các tài liệu, chứng cứ là: căn cước công dân của ông G, văn bản số 26/CV-ĐN ngày 30/7/2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng (nguyên đơn), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đài ABT buộc Công ty CP D phải trả số tiền 400.000.000 đồng cho Đài ABT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do bị đơn xin xét xử vắng mặt nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố PT thụ lý vụ án kinh doanh thương mại nhưng trong quá trình giải quyết Đài ABT cung cấp quyết định và quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Đài ABT cho thấy, Đài ABT là đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Đây là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự. Đài ABT yêu cầu Công ty CP D phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Hợp đồng tài trợ chương trình truyền hình trực tiếp “Giai PN”. Trong hợp đồng hai bên thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp, thì một trong hai bên có quyền đưa ra Tòa án tại Bình Thuận giải quyết.

Xác định đây là tranh chấp về dân sự theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

Bị đơn Công ty CP D có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung vụ án tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đài ABT (gọi tắt Đài BT) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty CP D (gọi tắt Công ty ĐN) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 400.000.000 đồng cho Đài BT về khoản tài trợ chương trình truyền hình trực tiếp “*Giai PN*” do Đài BT tổ chức sản xuất và truyền hình trực tiếp được thể hiện tại Hợp đồng tài trợ chương trình truyền hình trực tiếp “*Giai PN*” số 05GĐPN-2016/PT-THBT ngày 06/10/2016 ký giữa Công ty ĐN và Đài BT. Có nội dung: Công ty ĐN đồng ý tài trợ kinh phí để Đài BT tổ chức sản xuất và truyền hình trực tiếp chương trình “*Giai PN*”, đổi lại Công ty ĐN được hưởng những quyền lợi về quảng cáo theo Điều 3 của Hợp đồng (trước chương trình truyền hình trực tiếp... trong chương trình truyền hình trực tiếp... quyền lợi thông báo, quảng cáo ngoài chương trình...). Tổng số tiền Công ty ĐN tài trợ là 500.000.000 đồng(đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

Ngày 22/6/2017, Đài BT có Công văn 300/PTTH-TCHC, về việc thực hiện hợp đồng tài trợ chương trình *Giai PN* năm 2016 gửi cho Công ty ĐN là đã thực hiện được các nội dung theo Hợp đồng 05 như: đã phát sóng các quyền lợi, quảng cáo của Công ty ĐN trước, trong chương trình và hình ảnh trực quan theo đúng hợp đồng; Công ty ĐN đã thanh toán cho Đài BT số tiền 100.000.000 đồng; về quyền lợi phát sóng quảng cáo Công ty ĐN đã phát sóng 231.000.000 đồng và nhắc Công ty ĐN đã trễ hạn thanh toán và yêu cầu thực hiện thanh toán theo cam kết.

Ngày 04/7/2017, Công ty ĐN có Công văn số 26/CV-ĐN, fax cho Đài BT đã nhận được Công văn 300 nói trên và cho rằng kinh tế khó khăn, kêu gọi quảng cáo gặp khó khăn, do hạn chế sản phẩm theo hợp đồng nên đã trễ hạn vẫn chưa thanh toán cho Đài BT và cam kết duy trì thực hiện hợp đồng và thanh toán cho đài, cụ thể: trước ngày 30/7/2017 thanh toán 150.000.000 đồng, trước ngày 30/9/2017 thanh toán 150.000.000 đồng, trước ngày 30/12/2017 thanh toán 100.000.000 đồng, đồng thời Công ty ĐN xin gia hạn thời gian phát cản trừ quảng cáo kéo dài đến 30/6/2018. Tiếp sau đó, Công ty ĐN có Công văn số 25/CV-ĐN ngày 04/7/2017, fax cho Đài BT, đề nghị thay thế sản phẩm quảng cáo XYZ bằng sản phẩm quảng cáo ABC.

Ngày 05/7/2017, Đài BT có Công văn 315/PTTH-TCHC gửi cho Công ty ĐN, có nội dung: đồng ý thay đổi sản phẩm theo như yêu cầu của Công ty ĐN theo Công văn số 25 và đồng ý gia hạn thời hạn thanh toán hợp đồng theo Công văn số 26, chỉ thay đổi khoản thanh toán 100.000.000 đồng trước ngày 15/12/2017. Căn cứ vào văn bản này, Đài BT và Công ty ĐN thỏa thuận ký Phụ lục số 01 ngày 05/7/2017 (Phụ lục số 01 hai bên căn cứ vào Hợp đồng 05, Công văn số 25/CV-ĐN, Công văn số 26/CV-ĐN, Công văn 300/PTTH-TCHC, Công văn số 315/PTTH-BT đã trình bày ở trên)

thay đổi về các nội dung như: gia hạn thời hạn Công ty ĐN đăng ký phát sóng quảng cáo đến ngày 30/12/2017, gia hạn thời hạn thanh toán số tiền còn lại đợt 2 trước ngày 30/7/2017 số tiền 150.000.000 đồng, đợt 3 trước ngày 30/9/2017 số tiền 150.000.000 đồng, đợt 4 trước ngày 15/12/2017 số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy, theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp ở trên thì Truyền hình trực tiếp “*Giai PN*” đã phát sóng vào ngày 21/10/2016, các nội dung trước chương trình, trong chương trình theo khoản 3.1 và khoản 3.2 của hợp đồng số 05 Đài BT đã thực hiện xong.

Theo điểm 3.3 Điều 3 của Hợp đồng số 05 thì quyền lợi thông báo, quảng cáo ngoài chương trình thì Công ty ĐN được đăng ký phát sóng quảng cáo dưới các hình thức gồm TVC, tự giới thiệu, thông báo hoạt động thương mại... trên sóng phát thanh, truyền hình Bình Thuận với tổng giá trị 2.000.000.000 đồng (tương đương 400%/500.000.000 đồng). Công ty ĐN có trách nhiệm thông báo lịch cản trừ cho Đài BT. Thời hạn đăng ký phát sóng cản trừ đến ngày 05/10/2017, sau đó hai bên gia hạn đến ngày 30/12/2017. Tính đến tháng 07 năm 2017, Công ty ĐN đã đăng ký phát sóng và cản trừ quyền lợi quảng cáo tổng cộng là 259.000.000 đồng (gồm tháng 10/2016: 48.500.000 đồng; tháng 11/2016: 97.000.000 đồng; tháng 12/2016: 85.500.000 đồng; tháng 7/2017: 28.000.000 đồng). Từ tháng 8 năm 2017, Công ty ĐN không đăng ký phát sóng quảng cáo cho đến khi hết hạn đăng ký ngày 30/12/2017 là tự khước từ quyền lợi của mình, vi phạm hợp đồng và vi phạm phụ lục số 1 nên quyền lợi phát trả quảng cáo còn lại Công ty ĐN phải chịu.

Theo các chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã trình bày ở trên, xét thấy Đài BT đã thực hiện đúng những nội dung quy định tại Hợp đồng số 05 ngày 06/10/2016 và Phụ lục số 01 ngày 05/7/2017, nhưng Công ty ĐN đã vi phạm cam kết tại điểm 5.3 Điều 5 hợp đồng số 05 (Công ty ĐN cam kết thanh toán toàn bộ số tiền tài trợ 500.000.000 đồng cho Đài BT...). Ngoài hợp đồng số 05 và phụ lục hợp đồng số 1 thì Công ty ĐN và Đài BT không có thỏa thuận nào khác về việc chấm dứt hợp đồng thì không bên nào được quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn... khi chấm dứt hợp đồng các bên vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đúng như thỏa thuận trong hợp đồng cho đến thời điểm chấm dứt hợp đồng được quy định tại Điều 8 của hợp đồng. Do đó, Công ty ĐN không thanh toán tiền đợt 2 và đợt 3, đợt 4 cho Đài BT là xâm phạm đến quyền lợi của Đài BT đã ghi rõ trong Điều 4 của hợp đồng (nhận thanh toán đúng thỏa thuận trong hợp đồng) là vi phạm hợp đồng số 05 và phụ lục số 1 nên Công ty ĐN phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại 400.000.000 đồng cho Đài BT là đúng pháp luật.

Xét ý kiến của bị đơn Công ty ĐN cho rằng, quyền lợi phát quảng cáo của công ty tương ứng với số tiền là 259.000.000 đồng nên công ty không đồng ý trả cho Đài BT số tiền 400.000.000 đồng. Căn cứ vào điểm 3.3.1, điểm 3.3.2 khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng số 05 và Phụ lục số 1 đã nêu trên, thì Công ty ĐN được đăng ký phát sóng quảng cáo đến ngày 30/12/2017, nhưng từ tháng 8/2017 Công ty ĐN không đăng ký là tự khước từ quyền lợi của mình. Hơn nữa, Công ty ĐN phản đối yêu cầu của

Đài BT nhưng công ty không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó, do vậy ý kiến của Công ty ĐN không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đài BT, buộc Công ty ĐN phải thanh toán cho Đài BT số tiền 400.000.000 đồng.

[3]Về án phí: Do yêu cầu của Đài BT được chấp nhận nên Công ty ĐN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 105; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 262, khoản 1 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280, khoản 1 Điều 281, khoản 1 Điều 290 Bộ Luật dân sự năm 2005;

- Điều 357, Điều 468; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Luật Thi hành án Dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đài ABT. Buộc Công ty CP D phải trả cho Đài ABT số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Công ty CP D phải nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Đài ABT 10.000.000 đồng (mười triệu) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027760 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT thu ngày 09/7/2019.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/11/2019), của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Huân

Nguyễn Văn Đô

Phạm Phong Lan

Nơi nhận:

- VKS tp.PT ;
- Chi cục THADSTP PT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Huân

Nguyễn Văn Đô

Phạm Phong Lan

Nơi nhận:

- VKS tp.PT ;
- Chi cục THADSTP PT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan